

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XANH BEKNOW
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XANH BEKNOW

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEKNOW GREEN TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BEKNOW J.S.C.

2. Mã số doanh nghiệp: 0110077735

3. Ngày thành lập: 28/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

34 đường Phúc Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913922819

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
4.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
5.	Bán buôn thực phẩm	4632
6.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống không có cồn - Bán buôn đồ uống có cồn: Bán buôn bia - Phân phối rượu; Bán buôn rượu	4633
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
13.	Trồng cây lâu năm khác	0129
14.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh.	8299
16.	Đào tạo đại học	8541
17.	Đào tạo thạc sỹ	8542
18.	Đào tạo tiến sỹ	8543
19.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo và các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
20.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
21.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật vật liệu và luyện kim; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ nano. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.	7212(Chính)
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập, Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán)	7490
28.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
29.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
30.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
31.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
32.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
33.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
34.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
35.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
36.	Sản xuất đường	1072

37.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
38.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
39.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
40.	Sản xuất chè	1076
41.	Sản xuất cà phê	1077
42.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: - Sản xuất rượu công nghiệp; - Sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; - Sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	1101
45.	Sản xuất rượu vang	1102
46.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
47.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
48.	Sản xuất sợi	1311
49.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
50.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
51.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
52.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
53.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
54.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
55.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
56.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
57.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
58.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
59.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
60.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
61.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
62.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
63.	In ấn (Trừ in tem)	1811
64.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
65.	Sao chép bản ghi các loại	1820
66.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
67.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

68.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
69.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
70.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
71.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
72.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
74.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
75.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
76.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
77.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
78.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
79.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
80.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
81.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
82.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
83.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
84.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
85.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
86.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
87.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
88.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
89.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
90.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
91.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
92.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
93.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
94.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
95.	Tái chế phế liệu	3830
96.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
97.	Xây dựng nhà để ở	4101
98.	Xây dựng nhà không để ở	4102
99.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THỊ THU HÀNG	32 đường Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	5,000	0011750031 86	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	5,000		
2	BÙI XUÂN THÀNH	Số 34 đường Phúc Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.170.0 00	11.700.000.000	39,000	012040838	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.170.0 00	11.700.000.000	39,000		

3	NGUYỄN VĂN NỘI	32, ngõ 467, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	3,000	038060005176
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	3,000	
4	NGUYỄN ĐỨC GIANG	Số 06 đường Mimosa, Elegant Park, 21 Thạch Bàn, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.020.000	10.200.000.000	34,000	001088002984
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.020.000	10.200.000.000	34,000	
5	HÀ THÚC CHÍ NHÂN	315/2 Trần Bình Trọng, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	12,000	079081025921
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	12,000	

6	BÙI THỊ NGỌC DUNG	0501 nhà T18 khu dân cư Times City, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	7,000	0011700394 13
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	7,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI XUÂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 11/07/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 012040838

Ngày cấp: 25/05/2012 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tập thể Z157, Tổ 9, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: số 34 đường Phúc Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội